



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 33 (từ 13/8 – 17/8/2018)



ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta và Arabica trên sàn kỳ hạn tuần này giảm nhẹ so với tuần trước

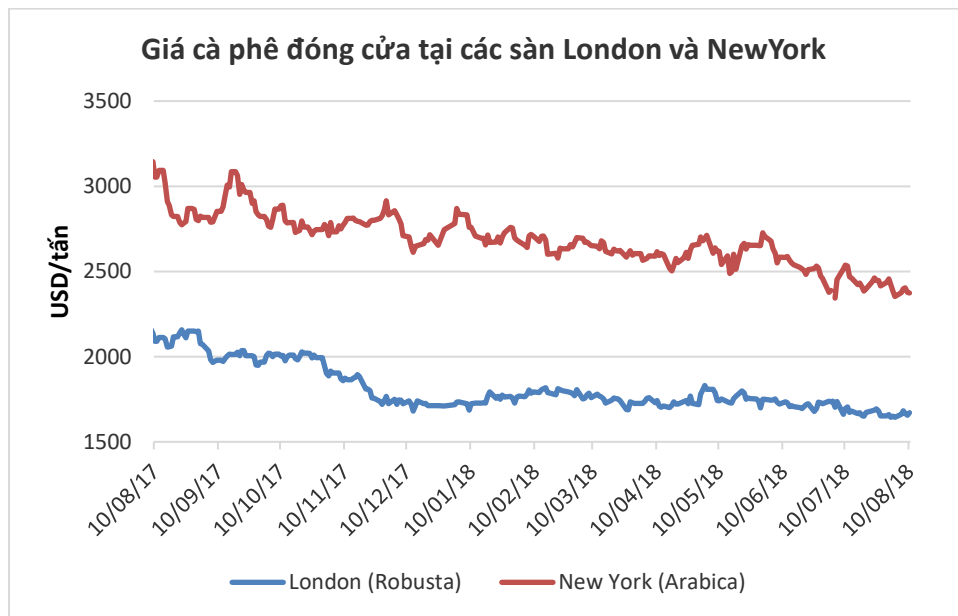
Tồn kho cà phê tại các cảng của Hoa Kỳ trong tháng 7 giảm xuống còn 6,8 triệu bao

Xuất khẩu cà phê Brazil trong tháng 7 tăng 27,7% so với cùng kỳ năm ngoái

Safras & Mercado dự báo sản lượng cà phê tại Brazil đạt 57,2 triệu bao trong niên vụ 2018/19

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giá cà phê đóng cửa tại các sàn London và NewYork



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.667 USD/tấn, giảm 3.40 USD so với tuần trước và vẫn thấp hơn 20,2% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.674 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.643 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần qua đạt 2.305,4 USD/tấn, giảm 80,25 USD so với tuần trước và



thấp hơn 21,2% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.358,9 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.242,1 USD/tấn [1].

Theo Hiệp hội Cà phê Xanh Hoa Kỳ (GCA), lượng tồn kho tại các cảng của nước này đến cuối tháng 7/2018 giảm 8.600 bao xuống còn 6,8 triệu bao. Lượng tồn kho trên chưa tính đến số hàng đang được vận chuyển trên tàu và số hàng đã được đưa vào kho của các công ty chế biến cà phê (ước tính khoảng 1,1 triệu bao). Như vậy, lượng tồn kho cà phê tại Hoa Kỳ tính đến cuối tháng 7 vẫn đủ cho tiêu thụ toàn khu vực Bắc Mỹ trong 3 tháng nữa [2].

Theo Hiệp hội Nông dân bang Kerala, lượng mưa quá mức diễn ra tại bang trồng cà phê lớn nhất Ấn Độ trong thời gian gần đây gây tác động tiêu cực đến quá trình sinh trưởng và phát triển của cây cà phê, khiến sản lượng thu hoạch cho niên vụ 2018/19 có thể giảm nhẹ. Tuy nhiên, theo các dự báo trước đây về mức dư thừa sản lượng cà phê niên vụ 2018/19, sự sụt giảm lượng cà phê do mưa lớn liên tục tại Ấn Độ cũng không ảnh hưởng lớn đến tâm lý của các nhà đầu tư và các công ty rang xay lớn trên thị trường hiện nay [2].

Hiệp hội Xuất khẩu Cà phê Brazil (Cecafe) cho biết, mặc dù tình trạng tắc nghẽn tại các cảng khiến quá trình vận chuyển và giao hàng lên tàu diễn ra rất chậm nhưng lượng xuất khẩu của quốc gia này trong tháng 7 đạt khoảng 2,03 triệu bao, cao hơn 27,7% so với cùng kỳ năm trước. [2]

Theo hãng phân tích Safras & Mercado tại Brazil, dự tính niên vụ năm nay, sản lượng cà phê của nước này sẽ đạt 57,2 triệu bao, trong đó gồm 43,1 triệu bao cà phê Arabica và 14,1 triệu bao cà phê Robusta. Theo các chuyên gia và thương nhân nhận định, với nhu cầu nội địa hạn chế, Brazil sẽ dư thừa khoảng 4 triệu bao cà phê Robusta và số hàng này sẽ cần được xuất sang thị trường nước ngoài. Điều này sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến các doanh nghiệp thu mua cà phê tại thị trường nội địa nước này. [2]

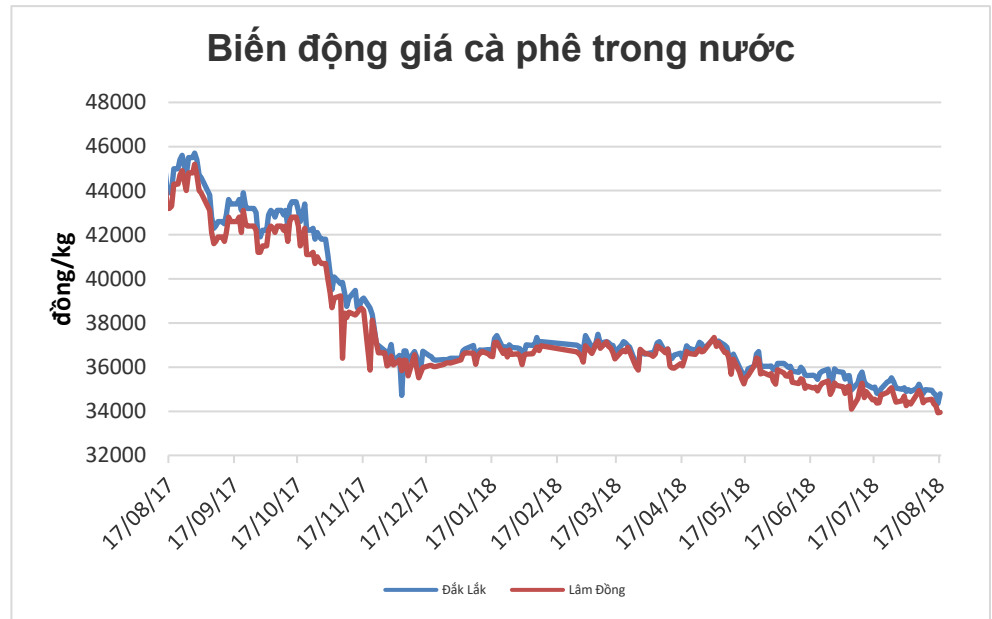


ĐIỂM TIN

Giá cà phê tại một số tỉnh Tây Nguyên và giá cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) giảm nhẹ so với tuần trước

Xuất khẩu cà phê Việt Nam 7 tháng đầu năm 2018 tăng 12,4% về lượng nhưng giảm 4,28% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê tại khu vực Tây Nguyên tuần này giảm nhẹ so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 34.730 đ/kg, giảm 279 đồng so với mức giá tuần trước và thấp hơn 24,09% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê giảm 463 đồng so với tuần trước, xuống còn 34.210 đ/kg, và thấp hơn 24,25% so với cùng kỳ năm ngoái [3].

Trong khi đó, giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này giảm nhẹ theo xu hướng giá cà phê Robusta trên sàn London, xuống còn 1.540 USD/tấn, giảm 12 USD so với tuần trước và thấp hơn 24,85% so với cùng kỳ năm 2017 [4].

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, lũy kế khối lượng xuất khẩu Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2018 đạt tổng cộng 1,17 triệu tấn cà phê các loại (tương đương 19,5 triệu bao) và kim ngạch thu về đạt 2,25 tỷ USD, tăng 12,44% về lượng nhưng giảm 4,28% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê xuất khẩu bình quân trong tháng đạt 1.800 USD/tấn, giảm 0,95% so với giá xuất khẩu bình quân của tháng trước [5].



Theo thông tin từ Diễn đàn người trồng cà phê (giacaphe.com), các doanh nghiệp cà phê Việt Nam dự báo xuất khẩu cà phê tháng 8 của Việt Nam sẽ giảm so với tháng 7 vì nhu cầu từ thị trường quốc tế vẫn còn yếu. Theo đó, xuất khẩu cà phê tháng 8/2018 dự kiến đạt 100.000 - 120.000 tấn. [4]

Theo Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam (VICOFA), sản lượng cà phê niên vụ 2017/18 của Việt Nam ước đạt 1,55 triệu tấn, tăng 100.000 tấn so với niên vụ 2016/17. Trong đó, tại Lâm Đồng, một trong bốn tỉnh trồng cà phê lớn nhất Việt Nam, sản lượng cà phê dự báo đạt 477 nghìn tấn trong vụ 2018/19, tăng từ mức 454 nghìn tấn trong niên vụ trước. [6]

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo lượng tiêu thụ cà phê của Việt Nam niên vụ 2018/19 đạt khoảng 156 nghìn tấn, tăng 6.000 tấn so với niên vụ 2017/18 do các hệ thống cửa hàng cà phê thương hiệu trong nước và nước ngoài ngày càng lan rộng. Tiêu thụ cà phê các loại chiếm 10% tổng sản lượng trong nước. Xuất khẩu cà phê niên vụ 2018/19 được dự đoán đạt khoảng 1,67 triệu tấn do sản lượng tăng. [7]

Nguồn tham khảo:

[1]. <https://www.theice.com/index>

[2]. <http://scasa.co.za>

[3]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;

[4]. <http://giacaphe.com/>

[5]. <https://www.customs.gov.vn>

[6]. <http://vicofa.org.vn>

[8]. <https://www.usda.gov>



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xô vối)	35.100	34.867	34.800	34.300	34.367	-487
Ea H'leo (xô vối)	35.067	34.967	34.867	34.333	34.400	-407
Krông Năng (xô vối)	34.833	34.733	34.667	34.367	35.033	-160
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xô vối)	35.300	35.200	35.100	34.600	34.600	-520
Ea H'leo (xô vối)	35.300	35.200	35.200	34.600	34.600	-480
Krông Năng (xô vối)	35.000	34.900	34.800	34.500	35.300	-220
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	34.533	34.300	34.333	33.800	33.933	-400
Lâm Hà (xô vối)	34.600	34.483	34.400	34.200	34.100	-583
Đà Lạt (xô chè)	39.667	38.667	37.667	35.667	35.667	-2.967
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	35.033	34.800	34.833	34.300	34.433	-400
Lâm Hà (xô vối)	35.200	35.050	35.000	34.800	34.900	-547
Đà Lạt (xô chè)	39.667	38.667	37.667	35.667	35.667	-3.967
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xô vối)	35.050	35.000	34.850	34.250	34.300	-470
Đắk R'lấp (xô vối)	34.933	34.733	34.633	34.133	34.233	-500
Đắk Song (xô vối)	35.050	34.850	34.750	34.250	34.400	-490
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xô vối)	35.400	35.300	35.200	34.550	34.600	-500
Đắk R'lấp (xô vối)	35.233	35.067	34.933	34.433	34.533	-527
Đắk Song (xô vối)	35.350	35.200	35.100	34.550	34.700	-520



Gia Lai						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xô vối)	34.933	34.767	34.767	34.167	34.233	-520
Plei ku (xô vối)	35.000	34.833	34.767	34.233	34.300	-520
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xô vối)	35.233	35.033	35.033	34.400	34.467	-487
Pleiku (xô vối)	35.267	35.067	35.033	34.500	34.600	-467
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xô vối)	34.600	34.500	34.400	34.100	34.800	-184
Đắk Hà (xô vối)	34.550	34.450	34.350	34.050	34.750	-570
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xô vối)	34.700	34.600	34.500	34.200	35.000	-597
Đắk Hà (xô vối)	34.700	34.600	34.500	34.200	35.000	-727

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

